

Số/ No.: 20220331-01/ VCFM-ETFDVN100

Tp. HCM Ngày 31 tháng 03 năm 2022
Ho Chi Minh City, 31 March 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/ To: Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước/ The State Securities Commission Of Vietnam
Sở Giao Dịch Chứng khoán TP. HCM/ Ho Chi Minh City Stock Exchange

1. Tên Công ty quản lý quỹ/Name of Fund management company:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital / VinaCapital Fund Management JSC (“VinaCapital”)

- Tên Quỹ ETF niêm yết/ Fund name: Quỹ ETF VinaCapital VN100
- Mã chứng khoán/ Stock code: **FUEVN100**
- Địa chỉ Trụ sở chính /Address: Lầu 17, Tòa Nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Head quarter address: 17th Floor, Sun Wah Tower, 115 Nguyen Hue Street, District 1, HCM city
- Điện thoại liên hệ/Tel.: (84 - 28) 3827 8535 Fax: (84 - 28) 3827 8536
- E-mail: irwm@vinacapital.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2021.
Fund Management Report for financial year 2021.

3. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Quỹ ETF/ Công ty Quản Lý Quỹ vào ngày 31/03/2022 tại đường dẫn: <https://wm.vinacapital.com/> của quỹ ETF/ Công ty Quản Lý Quỹ.
This information was disclosed on the Company's/Fund's Portal on 31 March 2022 at: <https://wm.vinacapital.com/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.
We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2021.
Fund Management Report for financial year 2021.

Đại diện Công ty cổ phần Quản lý quỹ VinaCapital
Representative of VinaCapital Fund Management JSC

Người được ủy quyền CBTT

Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

(Signature, full name, position, and seal)



Đinh Gia Ninh
Trưởng bộ phận Kiểm Soát Nội Bộ
Head of Internal Control

PHỤ LỤC XXV

MẪU BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ/CÔNG TY ĐẦU TƯ
CHỨNG KHOÁN BÁN NIÊN, NĂM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN
LÝ QUỸ VINACAPITAL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 20220331/VCFM-ETFVN100-BC

TP.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO

Tổng kết hoạt động quản lý quỹ/công ty đầu tư chứng khoán Năm 2021

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Thông tin về quỹ/công ty đầu tư chứng khoán

a) Tên của quỹ, loại hình quỹ: **QUỸ ETF VINACAPITAL VN100**

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN100 do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (“SGDCK”) xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của SGDCK là 10%.

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu thuộc Chỉ Số Tham Chiếu. Quỹ cũng sẽ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ. Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): được tính từ ngày được UBCKNN cấp giấy thành lập quỹ (16/06/2020) và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): Danh mục chỉ số tổng thu nhập VN100.

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Được quy định theo Điều lệ Quỹ và Bản cáo bạch. Theo đó, lợi nhuận có thể được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên báo cáo đã được kiểm toán, do đề xuất của Công ty Quản Lý Quỹ, Ban

Đại Diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư gần nhất thông qua. Lợi tức chi trả cho nhà đầu tư được thanh toán bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ (“CCQ”) phát hành thêm.

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành:

Tổng số CCQ tại ngày 31/12/2020	6.000.000 CCQ
Tổng số lượng CCQ phát hành thêm trong kỳ	2.700.000 CCQ
Tổng số lượng CCQ mua lại trong kỳ	(1.000.000) CCQ
Tổng số lượng CCQ tại ngày 31/12/2021	7.700.000 CCQ

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ quỹ (nếu có):

Các nội dung thay đổi Điều lệ Quỹ năm 2021 đã được Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2020 của Quỹ ETF VinaCapital VN100 thông qua ngày 27/04/2021 (chi tiết các thay đổi Điều lệ Quỹ năm 2021 được đề cập trong tờ trình thay đổi Điều lệ Quỹ ETF VinaCapital VN100 đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VinaCapital ngày 16/04/2021 tại đường dẫn: <https://wm.vinacapital.com/> của quỹ ETF/ Công ty Quản Lý Quỹ).

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư/Đại hội đồng cổ đông trong kỳ báo cáo (nếu có):

Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2020 của Quỹ ETF VinaCapital VN100 ngày 27/04/2021 đã thông qua các vấn đề: (1) báo cáo tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Quỹ; (2) báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Quỹ; (3) ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn tổ chức kiểm toán thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Quỹ; (4) sửa đổi, bổ sung Điều lệ Quỹ; và (5) thù lao cho các thành viên Ban Đại Diện Quỹ (Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2020 của Quỹ đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VinaCapital ngày 27/04/2021 tại đường dẫn: <https://wm.vinacapital.com/> của quỹ ETF/ Công ty Quản Lý Quỹ).

i) Ý kiến nhận xét của ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital đã tuân thủ đúng các quy định về hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ ETF VinaCapital VN100.

2. Báo cáo về kết quả hoạt động của quỹ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ tại thời điểm 31/12 của 3 năm gần nhất (nếu có), cụ thể:

- Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo ngành, lĩnh vực và loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) (không nêu chi tiết cả danh mục theo mã chứng khoán):

Cơ cấu tài sản quỹ	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
Danh mục cổ phiếu	96,51%	99,62%
Tài sản khác	3,49%	0,38%
Cộng	100%	100%

Ngành	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
Ngân hàng	35,28%	29,88%
Bất động sản	21,88%	24,65%
Thực phẩm, nước giải khát và thuốc lá	10,12%	14,93%
Vật liệu	8,74%	8,17%
Hàng hoá công nghiệp	5,21%	4,85%
Vận Tải	2,43%	4,21%
Thiết bị và Phần cứng công nghệ	-	3,36%
Bán lẻ	3,26%	3,17%
Dịch vụ tài chính	2,89%	2,30%
Tiện ích công cộng	1,01%	1,75%
Dệt may và Thiết bị tiêu dùng	0,99%	1,28%
Năng lượng	0,82%	1,08%
Dịch vụ phần mềm	3,66%	-
Bảo hiểm	0,21%	-
Tài sản khác	3,49%	0,38%
Tổng	100%	100%

- Giá trị tài sản ròng của quỹ, Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ và số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành:

Giá trị tài sản ròng	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
của quỹ ETF	155.575.633.980	83.142.618.161
của một lô CCQ ETF	2.020.462.779	1.385.710.303
của một CCQ ETF	20.204,63	13.857,10
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành	7.700.000	6.000.000

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất/thấp nhất trong năm:

- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cao nhất trong kỳ báo cáo: 20.312 đồng
- Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ thấp nhất trong kỳ báo cáo: 13.187,05 đồng

- Tổng lợi nhuận của quỹ, nêu chi tiết phần lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn) và phần lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cả tức, trái tức, lãi suất tiền gửi...) (giá trị thu nhập):

STT	Chỉ tiêu	Số tiền (VNĐ)
1	Lợi nhuận thu được từ sự tăng trưởng giá chứng khoán (giá trị lãi vốn)	25.834.807.096
2	Lợi nhuận thu được từ lợi tức chứng khoán (cổ tức, trái tức, lãi suất tiền gửi, ...)	853.992.938
3	Lợi nhuận thu được từ bán cổ phiếu, trái phiếu	12.497.807.854
4	Tổng chi phí	(1.681.756.722)
	Tổng cộng	37.504.851.166

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo, kể cả trong trường hợp chi trả bằng tiền mặt hoặc chi trả bằng đơn vị quỹ; Thời điểm phân chia lợi nhuận; Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ/cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán trước và sau thời điểm phân chia lợi nhuận: Không có

- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ và tốc độ vòng quay danh mục (chỉ tính tại thời điểm cuối quý II và cuối năm tài chính):

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ (%)
1	Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	1,61
2	Tốc độ vòng quay danh mục	53,94

- Thông tin về các khoản vay nợ, các hạng mục thanh toán trả sau của công ty đầu tư chứng khoán (nếu có), các giao dịch repo/reverse repo: Không có

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ/công ty đầu tư chứng khoán:

Nội dung	01/01/2021 – 31/12/2021	01/01/2020 – 31/12/2020
Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN trong kỳ	37.504.851.166	22.352.286.647

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

- Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: nguyên tắc xác định giá trị tài sản của Quỹ được quy định chi tiết trong Điều lệ Quỹ và sổ tay định giá của Quỹ.

- Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Không có

d) Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ

Báo cáo về hoạt động quản lý tài sản của Công ty quản lý quỹ phải bao gồm các nội dung sau:

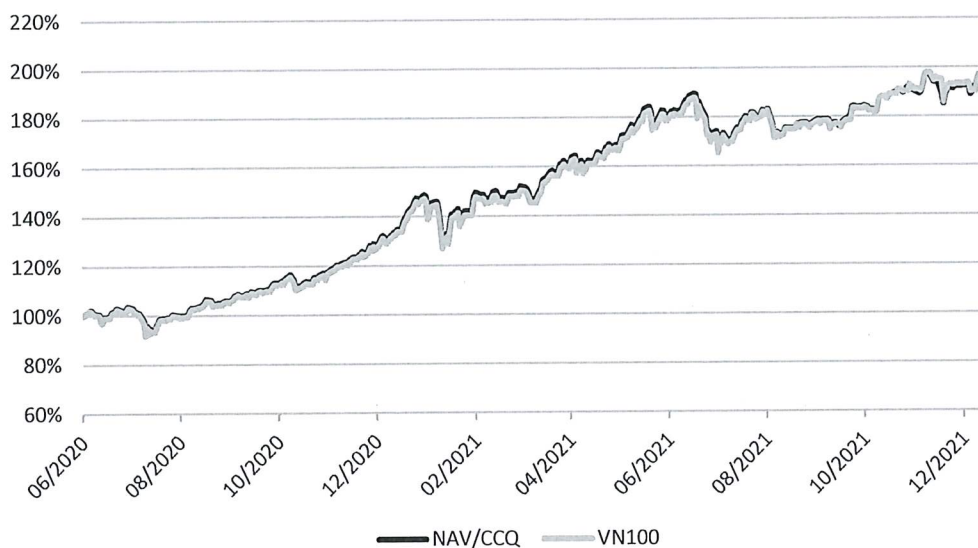
a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): Không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư (thuyết minh này chỉ cần thiết tại báo cáo hàng năm của quỹ):

Mục tiêu của Quỹ là mô phỏng gần nhất kết quả hoạt động và sự biến động của chỉ số tổng thu nhập VN100. Từ ngày Quỹ được cấp giấy chứng nhận lập Quỹ đến khi kết thúc tháng 12/2021,

Quỹ đã đạt được mục tiêu đề ra khi mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu chỉ ở mức thấp khoảng 0,68%.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 44/GCN-UBCK vào ngày 16/06/2020, do đó dữ liệu được tính từ ngày 16/06/2020.



d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian 05 năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị):

Quỹ mới được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ số 44/GCN-UBCK vào ngày 16/06/2020, do đó không có đủ cơ sở dữ liệu để thực hiện so sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Quỹ sẽ áp dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu lợi nhuận bám sát tỷ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu thuộc Chỉ Số Tham Chiếu.

Quỹ cũng sẽ đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các tài sản có thu nhập cố định khác có chất lượng tín dụng tốt, đảm bảo thu hồi vốn và mang về các khoản thu nhập cố định cho Quỹ.

Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và quy định của pháp luật.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31/12/2021 không thay đổi nhiều so với cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ tại ngày 31/12/2020 khi tỷ trọng đầu tư vào cổ phiếu vẫn chiếm trên 95%, do Quỹ là loại hình quỹ hoán đổi danh mục mô phỏng theo chỉ số.

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này và tại kỳ báo cáo gần nhất:

Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2021 của Quỹ là 20.204,63 đồng tăng 45,81% so với giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày 31/12/2020 là 13.857,10 đồng.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo, kể cả thị trường nước ngoài, mà quỹ đầu tư vào, thông tin về lợi nhuận đầu tư đối với từng loại tài sản: cổ phiếu, cổ phiếu blue-chips, cổ phiếu các công ty có mức vốn hóa thấp (small-cap)...

Thị trường chứng khoán Việt Nam có một năm 2021 bùng nổ mặc dù chịu nhiều tác động tiêu cực từ dịch bệnh COVID-19. Chỉ số VN Index đóng cửa năm ở 1.498,3 điểm, sát với đỉnh lịch sử 1.500,8 điểm ghi nhận trong tháng 11. Cho cả năm 2021, VN Index tăng 35,7%, là mức tăng cao nhất trong khu vực ASEAN và một trong những thị trường chứng khoán có diễn biến tốt nhất trên thế giới.

Trong năm 2021, lãi suất huy động 12 tháng tiếp tục giảm xuống mức thấp nhất lịch sử, trung bình năm 2021 giảm khoảng 1 điểm phần trăm so với mức trung bình của năm 2020. Lãi suất huy động thấp nhất lịch sử có thể là nguyên nhân khiến tiền gửi tiếp tục tăng chậm lại và một phần dòng tiền đã chuyển qua các kênh đầu tư khác, trong đó có chứng khoán. Nhà đầu tư cá nhân chiếm lĩnh giao dịch trên thị trường với khoảng 90% tổng giá trị giao dịch đến từ các nhà đầu tư cá nhân, do đó chỉ số VN Mid Cap và VN Small Cap tiếp tục tăng mạnh hơn thị trường chung với mức tăng 76,4% và 101,9% trong năm, trong khi chỉ số VN30 tăng 43,4%. Thị trường sôi động, giá trị giao dịch trung bình mỗi ngày trong năm là 26,6 nghìn tỷ đồng tăng hơn 3 lần so với mức 7,4 nghìn tỷ đồng trong năm 2021. Khối ngoại tiếp tục bán ròng 62,3 nghìn tỷ đồng trên cả 3 sàn trong năm 2021.

Do tác động của các đợt giãn cách xã hội vì COVID-19, tăng trưởng GDP cả năm 2021 đạt 2,6%, thấp hơn một chút so với 2,9% của năm 2021. Số liệu kinh tế vĩ mô trong quý 4 cho thấy rõ sự phục hồi sau khi các quy định về giãn cách xã hội được nới lỏng. GDP quý 4 tăng 5,2% so với cùng kỳ năm trước từ mức giảm 6,0% trong quý 3. Hầu hết các số liệu khác cũng cho thấy sự tích cực. Xuất khẩu và nhập khẩu cả năm 2021 tăng 19,0% và 26,5%, đạt 336,3 tỷ USD và 332,3 tỷ USD, mang lại 4,0 tỷ USD thặng dư thương mại. Sản xuất công nghiệp tăng 8,7% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 12 và 4,8% trong cả năm 2021. Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng cũng tăng 1,1% so với cùng kỳ trong tháng 12, tuy nhiên vẫn giảm 3,8% trong cả năm 2021 do nhiều tháng giãn cách xã hội.

Về kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp, lợi nhuận của các công ty niêm yết năm 2021 ước tính tăng 36,5%. Trong đó, lĩnh vực bị ảnh hưởng nhiều nhất là hàng không. Các ngân hàng, công ty chứng khoán, doanh nghiệp bất động sản, vật liệu xây dựng và dầu khí đã có kết quả kinh doanh rất tích cực.

i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có

k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có

l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có

m) Các thông tin khác (nếu có).

4. Báo cáo về hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát

Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, ngân hàng giám sát đưa ra ý kiến về sự tuân thủ quy định pháp luật, quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ trong quá trình vận hành và quản lý Quỹ ETF VinaCapital VN100 với các nội dung sau:

a) Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ hoán đổi danh mục, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan.

b) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ ETF Vinacapital VN100 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

c) Phát hành và hoán đổi Chứng chỉ Quỹ đã phù hợp theo quy định tại Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.

d) Trong giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quỹ ETF Vinacapital VN100 không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

5. Báo cáo về hoạt động ủy quyền

Công ty quản lý quỹ phải lập báo cáo đánh giá chất lượng dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức khác (bên nhận ủy quyền), như dịch vụ đại lý chuyển nhượng, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng... với các nội dung sau:

Đối với Quỹ ETF VinaCapital VN100, các đơn vị nhận ủy quyền bao gồm:

- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa cung cấp dịch vụ Quản trị Quỹ
- Trung tâm Lưu Ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng
- Đại lý phân phối kiêm Thành viên lập quỹ:
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt (BVSC)
 - Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC)
 - Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán KIS Việt Nam (KIS)

a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ:

Chỉ tiêu	Chi phí năm 2021 (VNĐ)	Tỷ lệ so với Lợi nhuận	Tỷ lệ so với Thu nhập	Tỷ lệ so với Tổng chi phí hoạt động Quỹ
Giá dịch vụ quản trị Quỹ	198.000.000	0,53%	0,51%	11,77%
Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng	66.000.000	0,18%	0,17%	3,92%
Giá dịch vụ tính iNAV và sử dụng chỉ số iIndex	100.000.000	0,27%	0,26%	5,95%
Giá dịch vụ giao dịch trả đại lý phân phối	-	0,00%	0,00%	0,00%
Tổng chi phí cho hoạt động ủy quyền	364.000.000	0,97%	0,93%	21,64%

b) Việc đăng ký sở hữu tài sản (đối với trường hợp công ty đầu tư chứng khoán bất động sản):
Không có

c) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: chỉ làm tăng chi phí nhưng không đáng kể, do đó không ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ.

d) Tổng chi phí các hoạt động ủy quyền phải trả cho bên nhận ủy quyền (trường hợp bên nhận ủy quyền cung cấp nhiều dịch vụ cho công ty quản lý quỹ): trình bày tại mục 5.a

đ) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư:

Các bên nhận ủy quyền đều đáp ứng được yêu cầu về hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật,..., do đó, đảm bảo quy trình nghiệp vụ được ủy quyền diễn ra thông suốt, không bị gián đoạn.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
VINACAPITAL

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
VINACAPITAL
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Brook Colin Taylor